

THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA LAO ĐỘNG NỮ NÔNG THÔN TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG Ở HUYỆN VĨNH LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Nguyễn Xuân Hiếu

Trung tâm Dạy nghề Tổng hợp huyện Vĩnh Linh

Email: hieudaynghevinhlinh@gmail.com

TÓM TẮT

Lao động - việc làm nói chung và lao động nữ nói riêng là một nguồn lực vô cùng quý giá và cũng là động lực chính của sự phát triển kinh tế xã hội mỗi địa phương. Trên cơ sở nguồn số liệu thứ cấp và khảo sát 160 lao động nữ nông thôn trên địa bàn huyện Vĩnh Linh năm 2014. Bằng các phương pháp phân tích thống kê mô tả, kết hợp định tính và định lượng, phân tích hồi qui để tìm sự ảnh hưởng của các yếu tố đến việc làm của lao động nữ nông thôn. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng việc làm của lao động nữ trên địa bàn huyện và đưa ra các giải pháp giải quyết việc làm lao động nữ phù hợp với địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng: (1) tình trạng việc làm lao động nữ nông thôn huyện Vĩnh Linh thất nghiệp là 15%, thiếu việc làm là 46,25%, và có việc làm thường xuyên là 38,75%. (2) Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ bao gồm: cơ cấu dân số, trình độ chuyên môn, sức khỏe, điều kiện tự nhiên, chính sách giải quyết việc làm.

Từ khóa: Lao động nữ nông thôn, thất nghiệp, việc làm.

1. MỞ ĐẦU

Vĩnh Linh là một huyện đồng bằng của tỉnh Quảng Trị, có diện tích 620 km², dân số 86.300 người [2], số lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động là 15.576 người; trong đó, có 240 lao động nữ thất nghiệp và 8.603 lao động nữ thiếu việc làm [1]. Qua đây cho thấy số lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động thất nghiệp và thiếu việc làm tương đối cao, đặc biệt là số lao động nữ nông thôn thiếu việc làm, chiếm 55,23%. Thất nghiệp và thiếu việc làm là nguyên nhân căn bản của nghèo đói, phát sinh những tệ nạn xã hội và các vấn đề an sinh xã hội khác, đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Do đó, xác định được thực trạng, tìm ra nguyên nhân, từ đó đề ra các giải pháp hữu hiệu, có tính khả thi để sắp xếp và bố trí lại việc làm cho lao động nữ nông thôn ở huyện Vĩnh Linh là nhiệm vụ rất cấp bách và có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Vì vậy, nghiên cứu đề tài “Thực trạng việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” là rất cần thiết. Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm: (1) Đánh giá thực trạng việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động; (2) Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động; và (3) Đề xuất các giải pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu cho lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

2. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

2.1. Thực trạng dân số, lao động và lao động nữ huyện Vĩnh Linh

Vĩnh Linh là huyện có cơ cấu dân số và lao động trẻ, chủ yếu có độ tuổi từ 15-44; chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và sinh sống tập trung phần lớn ở khu vực nông thôn. Đặc biệt, lực lượng lao động nữ trong độ tuổi lao động của huyện cũng phụ thuộc vào cơ cấu dân số nên chủ yếu tập trung ở nông thôn với 15.576 người, chiếm 77,03% tổng số lao động nữ toàn huyện (Theo Báo cáo điều tra lao động việc làm của Tổng Cục Thống kê (2013), tỷ lệ tham gia lực lượng lao động nữ ở khu vực nông thôn là 76,5% [5]); số lao động nữ có độ tuổi từ 25 đến 44 là 8.958 người, chiếm 57,51% tổng số lao động nữ toàn huyện và số lao động nữ trong nông nghiệp là 10.998 người, chiếm 71,71% tổng số lao động nữ tham gia hoạt động kinh tế.

Về chất lượng dân số, lao động, vẫn còn tình trạng dân số, lực lượng lao động và lao động nữ nông thôn mù chữ và chưa tốt nghiệp Tiểu học với tỷ lệ lần lượt là 12,91%, 2,28% và 2,61%. Số lượng lao động, lao động nữ nông thôn tốt nghiệp THCS và THPT lần lượt là 37.853 người, 13.600 người. Qua đây cho thấy trình độ học vấn phổ thông của lực lượng lao động và lao động nữ nông thôn tương đối cao, nếu có các chính sách đào tạo về chuyên môn kỹ thuật cho các đối tượng này thì trong thời gian đến huyện sẽ có nguồn lao động có chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Xét về trình độ chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ dân số, lực lượng lao động và lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo là rất lớn, các tỷ lệ lần lượt là 67,84%, 61,85% và 59,63%. Tỷ lệ dân số, lực lượng lao động và lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động qua đào tạo nghề và đào tạo từ Trung cấp trở lên là rất thấp. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến khả năng lao động cũng như khả năng tìm kiếm và tự tạo việc làm mới của người lao động, đặc biệt là lao động nữ nông thôn. Nghiên cứu của Lê Thành Ý (1999) về phụ nữ Bắc Trung bộ và những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội cho thấy tỷ lệ lao động nữ có trình độ chuyên môn kỹ thuật Trung cấp, Cao đẳng là rất thấp, chỉ chiếm 0,7- 0,8% [6].

2.2. Tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn huyện Vĩnh Linh

Bảng 1. Tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động

Đơn vị tính: Người

Chỉ tiêu	Tổng số	Việc làm đầy đủ		Thiếu việc làm		Thất nghiệp	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Theo độ tuổi	15.576	6.733	100,0	8.603	100,0	240	100,0
Từ 15-24 tuổi	2.097	907	13,47	1.073	12,47	117	48,75
Từ 25-34 tuổi	4.435	1.917	28,47	2.421	28,14	97	40,42
Từ 35-44 tuổi	4.523	1.955	29,04	2.549	29,63	19	7,92
Từ 45-55 tuổi	4.521	1.954	29,02	2.560	29,76	7	2,91

2. Theo ngành kinh tế	15.336	6.733	100,0	8.603	100,0	-	-
Nông nghiệp	10.998	3.271	48,58	7.727	89,82	-	-
Công nghiệp, TTCN	1.102	712	10,57	390	4,53	-	-
Thương mại, dịch vụ	3.236	2.750	40,84	486	5,65	-	-
3. Theo khu vực	20.220	8.737	100,0	11.101	100,0	382	100,0
Thành thị	4.644	2.004	22,94	2.498	22,50	142	37,17
Nông thôn	15.576	6.733	77,06	8.603	77,50	240	62,83

Nguồn: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Linh, 2014.

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, quy mô lực lượng lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động của toàn huyện là 15.576 người, trong đó có việc làm thường xuyên là 6.733 người, chiếm 43,23%; thiếu việc làm là 8.603 người, chiếm 55,23% và thất nghiệp là 240 người, chiếm 1,54%. Nghiên cứu của Vũ Đình Thắng (2002) về vấn đề việc làm của lao động nữ nông thôn cũng cho thấy tỷ lệ lao động nữ nông thôn ở Việt Nam thất nghiệp chiếm tỷ lệ 1,5% [4].

Xét theo độ tuổi, số lao động nữ từ 15-34 tuổi thất nghiệp nhiều hơn nhiều so với số lao động nữ từ 35 - 55 tuổi. Nguyên nhân, là do một phần mới được bổ sung vào lực lượng lao động nên chưa có kinh nghiệm, suy nghĩ chưa chín chắn do đó khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm. Một phần khác là do mới tốt nghiệp từ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học nên có mong muốn tìm kiếm việc làm ổn định ở các cơ quan Nhà nước. Số lao động nữ từ 35 - 55 tuổi phần lớn là lao động phổ thông được đào tạo dưới 3 tháng, hoạt động chủ yếu trong nông nghiệp và thương mại - dịch vụ nên số lượng thất nghiệp rất thấp.

Xét theo ngành kinh tế, số lượng lao động nữ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp thiếu việc làm cao hơn so với số lao động nữ hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Nguyên nhân là do lao động nữ thiếu vốn và đất để sản xuất, thêm vào đó là do sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn của điều kiện thời tiết, khí hậu, thiên tai.

Xét theo khu vực, số lượng lao động nữ thất nghiệp và thiếu việc làm ở khu vực nông thôn cao hơn so với thành thị. Nguyên nhân là do quy mô và cơ cấu lực lượng lao động và lao động nữ ở khu vực nông thôn lớn hơn rất nhiều so với khu vực thành thị, thêm vào đó ở khu vực thành thị có vị trí thuận lợi và điều kiện kinh tế - xã hội phát triển tốt hơn nên lượng việc làm dành cho người lao động cũng lớn hơn, người lao động rất dễ dàng trong việc tiếp cận các thông tin về thị trường lao động. Mặt khác, hoạt động của lao động nữ ở khu vực nông thôn chủ yếu là hoạt động sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, còn lực lượng lao động nữ ở khu vực thành thị chủ yếu là hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

Ngoài các tiêu chí về thực trạng việc làm lao động nữ nông thôn phân theo độ tuổi, ngành kinh tế và theo khu vực, nghiên cứu này còn tìm hiểu về thực trạng việc làm của lao động nữ nông thôn phân theo trình độ văn hóa, chuyên môn kỹ thuật và kết quả đạt được như sau:

Số lao động nữ nông thôn có trình độ tốt nghiệp Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT) thất nghiệp và thiếu việc làm nhiều hơn so với số lao động có trình độ văn hóa là mù chữ, chưa tốt nghiệp Tiểu học và tốt nghiệp Tiểu học. Bởi vì, số lượng lao động nữ có trình độ tốt nghiệp THCS và THPT phần lớn là lao động trẻ (từ 20 - 35 tuổi), có trình độ chuyên môn kỹ thuật tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên nên họ thường mong muốn tìm kiếm công việc gần nhà, công việc trong các cơ quan Nhà nước và không muốn làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân cũng như chấp nhận lao động chân tay. Ngược lại, số lao động nữ nông thôn có trình độ học vấn thấp nên họ không được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, đây là nhóm lao động được xem là nhóm yếu thế nhất trong xã hội. Hiện nay, Đảng và Nhà nước đang ưu tiên thực hiện nhiều chính sách giải quyết việc làm cho các đối tượng này nên tình trạng việc làm của họ đang dần được cải thiện.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

Để có thể đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới hiệu quả giải quyết việc làm cho lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh, nghiên cứu này đã tiến hành phân tích kết quả các yếu tố có ảnh hưởng tới hiệu quả giải quyết việc làm và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này. Các yếu tố được đưa ra khảo sát trong nghiên cứu này là: Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; Điều kiện kinh tế, xã hội; Trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật của lao động nữ; Tuổi tác, sức khỏe của lao động nữ; Chính sách việc làm của huyện, chính sách việc làm của quốc gia. Các yếu tố này được đưa ra và lấy ý kiến của lao động nữ để nhận được đánh giá. Từ dữ liệu thu thập được, nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp phân tích hồi quy để đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động và kết quả đạt được như sau:

$$Y = 0.484 X_1 + 0.462 X_2 + 0.418 X_3 + 0.414 X_4 + 0.191 X_5 \quad (1)$$

Trong đó: Y là hiệu quả tạo việc làm; X_1 là chính sách giải quyết việc làm; X_2 là điều kiện kinh tế, xã hội; X_3 là điều kiện tự nhiên; X_4 là trình độ lao động và X_5 là tuổi tác, sức khỏe lao động nữ.

Phương trình hồi quy (1) cho thấy, hiệu quả công tác tạo việc làm sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất từ các chính sách việc làm vĩ mô của chính quyền huyện cũng như của Nhà nước; tiếp theo là điều kiện kinh tế - xã hội; sau nữa là điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của lao động nữ và cuối cùng yếu tố tuổi tác, sức khỏe lao động có mức ảnh hưởng thấp nhất. Nghiên cứu của Dương Ngọc Thành và Nguyễn Minh Hiếu (2014) về thực trạng lao động việc làm nông thôn Việt Nam cũng cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến

việc làm của lao động nữ nông thôn là: (1) Các chính sách giải quyết việc làm; (2) Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và (3) Trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của lao động nữ [3].

Nếu yếu tố chính sách chung tăng lên 1 đơn vị và các yếu tố khác không đổi thì hiệu quả tạo việc làm sẽ tăng lên 0.484 đơn vị. Nếu yếu tố điều kiện kinh tế- xã hội tăng lên 1 đơn vị và các yếu tố khác không đổi thì hiệu quả tạo việc làm sẽ tăng lên 0.462 đơn vị. Nếu yếu tố điều kiện tự nhiên tăng lên 1 đơn vị và các yếu tố khác không đổi thì hiệu quả tạo việc làm sẽ tăng lên 0.418 đơn vị. Nếu yếu tố trình độ lao động tăng lên 1 đơn vị và các yếu tố khác không đổi thì hiệu quả tạo việc làm sẽ tăng lên 0.414 đơn vị. Nếu yếu tố tuổi tác, sức khỏe lao động tăng lên 1 đơn vị và các yếu tố khác không đổi thì hiệu quả tạo việc làm sẽ tăng lên 0.191 đơn vị.

Từ thực tế đánh giá của lao động nông thôn về từng yếu tố và kết quả thu được từ phương trình hồi quy (1) về mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố, có thể thấy rằng cần có những cải thiện về chính sách việc làm ở mức vĩ mô để nâng cao hiệu quả hoạt động tạo việc làm cho người lao động thì sẽ mang lại hiệu quả tốt nhất. Ngoài ra, cần đầu tư nâng cao các yếu tố về điều kiện kinh tế, xã hội của huyện; nâng cao hiệu quả sử dụng triệt để hơn các điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên thì cũng có thể giúp cho hiệu quả hoạt động tạo việc làm được nâng cao. Còn có thể nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật của lao động nữ, tăng cường hiệu quả các chính sách đào tạo lao động nữ và sự quan tâm của lãnh đạo huyện trong hoạt động đào tạo lao động nữ cũng có hiệu quả nâng cao hoạt động tạo việc làm. Mặc dù kết quả đưa ra cho thấy yếu tố tuổi tác, sức khỏe của lao động nữ không có sự ảnh hưởng cao tới hoạt động tạo việc làm, nhưng vẫn cần có những biện pháp cải thiện sức khỏe nhân dân, giúp cho họ có những cơ hội việc làm khi các đơn vị, công ty có nhu cầu tuyển dụng lao động.

2.4. Một số giải pháp giải quyết tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm cho lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh trong thời gian tới

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động và kết quả phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động được trình bày ở trên, nghiên cứu này đã đề xuất một số giải pháp để góp phần giảm tỷ lệ lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động thất nghiệp và thiếu việc làm ở huyện Vĩnh Linh trong thời gian đến như sau:

2.4.1. Nhóm giải pháp hỗ trợ người lao động

Đào tạo nghề cho lao động nữ nông thôn: Địa phương cần xúc tiến phối hợp với các cơ sở dạy nghề của huyện để dạy nghề cho lao động nữ dưới nhiều hình thức, nâng cao chất lượng lao động nữ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là chú trọng đến những đối tượng lao động nữ thất nghiệp, thiếu việc làm. Đào tạo nghề nâng cao chất lượng lao động để người lao động có cơ hội lựa chọn ngành nghề, công việc phù hợp với điều kiện của bản thân và nhu cầu của thị trường lao động.

Hỗ trợ lao động nữ nông thôn vay vốn để giải quyết việc làm: Ngoài các tổ chức tài chính, tín dụng của Nhà nước cần phát triển các tổ chức tín dụng tư nhân, xây dựng các mô hình tiết kiệm tín dụng nhằm huy động những nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân để cho lao động nữ nông thôn có nhiều cơ hội được vay vốn phát triển sản xuất, tạo việc làm. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính để cho phần lớn lao động nữ nông thôn có cơ hội vay vốn, đặc biệt là những lao động nữ nghèo và lao động nữ có các mô hình làm ăn lớn, giải quyết nhiều việc làm tại chỗ cho lao động nữ nông thôn cũng như những lao động đi xuất khẩu lao động nhưng không có vốn, tức là cần quan tâm đến điều kiện cụ thể của từng đối tượng vay.

Phát triển thị trường lao động và xuất khẩu lao động: Xây dựng bộ máy chuyên trách có đủ số lượng và chuyên môn phù hợp để thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về việc làm cho lực lượng lao động. Hiện nay, huyện chưa có bộ phận chuyên trách về lĩnh vực lao động và việc làm mà mới chỉ có một cán bộ Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội kiêm nhiệm nên rất hạn chế trong việc nắm bắt các chính sách của Nhà nước về lao động và việc làm cũng như việc điều tra, khảo sát và nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động. Thường xuyên tuyên truyền cho lao động nữ nông thôn trên địa bàn huyện biết các chính sách của Nhà nước về lao động và việc làm, thông tin về thị trường lao động, cũng như các đơn vị được Nhà nước cấp phép đưa người lao động đi xuất khẩu lao động trên các phương tiện thông tin đại chúng để người lao động biết đăng ký tham gia và không bị những kẻ xấu lợi dụng, giả danh các cơ quan Nhà nước lừa người lao động đi làm việc, đặc biệt là xuất khẩu lao động sang nước ngoài.

2.4.2. Nhóm giải pháp thuộc về cơ chế, chính sách

Chuyển dịch cơ cấu lao động nữ nông thôn: Có chính sách thu hút, sử dụng những lao động nữ nông thôn có sức khỏe, trình độ chuyên môn kỹ thuật tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng và Đại học đang làm việc trong nông nghiệp vào làm việc trong các thành phần kinh tế Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Nhằm giải quyết việc làm, cải thiện môi trường làm việc và tăng thu nhập cho lao động nữ nông thôn, đồng thời tận dụng sức khỏe và kỹ thuật của họ phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế của huyện.

Phát triển ngành nghề dịch vụ: Tiến hành qui hoạch mạng lưới chợ nông thôn, đa dạng hóa các dạng phẩm, hàng hóa tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế tham gia các hoạt động thương mại, dịch vụ. Tăng cường hoạt động tổ chức hội chợ, các hoạt động lễ hội văn hóa nhằm quảng bá du lịch và tăng cường giao lưu thương mại với các vùng miền trong cả nước.

Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là ngành tạo ra nhiều việc làm cho lực lượng lao động với công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để giải quyết việc làm cho lao động nữ nông thôn thì trong thời gian đến cần tập trung đầu tư quy hoạch, xây dựng hệ thống các chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong kêu gọi và thu hút đầu tư. Xây dựng các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như

hỗ trợ vốn, thuế, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và sản xuất kinh doanh cho cán bộ quản lý và công nhân trong các doanh nghiệp.

3. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của lao động nữ nông thôn trong độ tuổi lao động ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Kết quả cho thấy số lao động nữ của huyện tập trung đông ở khu vực nông thôn với 77,03% tổng số lao động nữ của toàn huyện và hoạt động sản xuất trong ngành nông nghiệp là chủ yếu, chiếm 71,71% tổng số lao động nữ nông thôn tham gia hoạt động kinh tế. Trình độ học vấn của lao động nữ nông thôn Vĩnh Linh chưa cao, thậm chí vẫn còn có người mù chữ và chưa tốt nghiệp tiểu học, số lao động nữ qua đào tạo ngắn hạn và tốt nghiệp từ Trung cấp trở lên tương đối thấp, lần lượt chiếm 20,04% và 20,33% tổng số lao động nữ nông thôn của toàn huyện. Đặc biệt, số lượng lao động nữ nông thôn chưa được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật là rất lớn, chiếm 59,63% tổng số lao động nữ nông thôn của toàn huyện; tình trạng việc làm của lao động nữ nông thôn chưa tốt, vẫn còn tình trạng lao động nữ nông thôn thất nghiệp với tỷ lệ 1,54%; số lao động nữ nông thôn có việc làm thường xuyên tương đối thấp, chiếm 43,23% và số lao động nữ nông thôn thiếu việc làm tương đối cao, chiếm 55,23% tổng số lao động nữ nông thôn của toàn huyện. Có một số yếu tố ảnh hưởng tới công tác tạo việc làm cho lao động nữ nông thôn tại huyện Vĩnh Linh. Trong đó, các yếu tố về chính sách việc làm; điều kiện kinh tế - xã hội; điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và trình độ của người lao động là những yếu tố có sự ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới công tác tạo việc làm cho lao động nữ nông thôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Vĩnh Linh (2014). *Báo cáo điều tra lao động việc làm*.
- [2]. Phòng Thống kê huyện Vĩnh Linh (2014). *Niên giám thống kê*.
- [3]. Dương Ngọc Thành, Nguyễn Minh Hiếu (2014). *Thực trạng lao động việc làm nông thôn Việt Nam*, Tạp chí khoa học trường Đại học Cần Thơ.
- [4]. Vũ Đình Thắng (2002). Vấn đề việc làm cho lao động nữ nông thôn, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*.
- [5]. Tổng Cục Thống kê (2013). *Báo cáo điều tra lao động việc làm năm 2012*.
- [6]. Lê Thành Ý (1999). Phụ nữ Bắc Trung bộ và những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế - xã hội, *Tạp chí hoạt động khoa học số 3*.

EMPLOYMENT SITUATION OF RURAL WORKING-AGED FEMALE LABOURS IN VINH LINH DISTRICT, QUANG TRI PROVINCE

Nguyen Xuan Hieu

Vinh Linh Generally Vocational Training Center

Email: hieudaynghevinhlinh@gmail.com

ABSTRACT

Labor - Employment in general and female labors in particular are the important resources and major motivation in the socio-economic development in the local region. Based on the minor data resource (research documents) and survey on 160 rural female labors in Vinh Linh district in 2014. , by using descriptive statistical analysis methods , the qualitative and quantitative method and regression analysis method to analyze the influence of factors on employment of rural female labors. This study aims to assess the employment status of female labors in the district and offer some solutions to create jobs for them consistent with the local status. The research results show that: (1) Employment status of rural female labors in Vinh Linh district: 15% for the unemployed ones, 46,25% for the underemployed ones and 38,75% for the regular employed ones. (2) The factors affecting the employment of rural female labors include, population structure, technical qualification, health, natural condition, and job creation policy.

Keywords: *Employment, rural women labor, unemployment.*